PHÒNG DG&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ

**TRƯỜNG MẦM NON HOA HƯỚNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK LẮK - 2020

PHÒNG DG&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ

**TRƯỜNG MẦM NON HOA HƯỚNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Quang | Hiệu trưởng | Chủ tịch  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Lanh | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch  |  |
| 3 | Đồng Thị Hiền | CTCĐ | Uỷ viên |  |
| 4 | Nguyễn Thị Thu Ngà | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 5 | Nguyễn Thị Lân | Kế toán | Uỷ viên |  |
| 6 | Nguyễn Thị Huyền | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 7 | Trần Thị Phương | VTTQ-TKHĐ | Thư ký |  |

ĐẮK LẮK - 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **1** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **4** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **10** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **14** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **14** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **14** |
| **Mở đầu** | **14** |
| **Tiêu chí 1.1** | **14** |
| **Tiêu chí 1.2** | **14** |
| **Tiêu chí 1.3** | **15** |
| **Tiêu chí 1.4** | **15** |
| **Tiêu chí 1.5** | **15** |
| **Tiêu chí 1.6** | **16** |
| **Tiêu chí 1.7** | **16** |
| **Tiêu chí 1.8** | **16** |
| **Tiêu chí 1.9** | **17** |
| **Tiêu chí 1.10** | **17** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **18** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **18** |
| **Mở đầu** | **18** |
| **Tiêu chí 2.1** | **18** |
| **Tiêu chí 2.2** | **18** |
| **Tiêu chí 2.3** | **19** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **19** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **19** |
| **Mở đầu** | **20** |
| **Tiêu chí 3.1** | **20** |
| **Tiêu chí 3.2** | **20** |
| **Tiêu chí 3.3** | **21** |
| **Tiêu chí 3.4** | **21** |
| **Tiêu chí 3.5** | **21** |
| **Tiêu chí 3.6** | **22** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **22** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **22** |
| **Mở đầu** | **22** |
| **Tiêu chí 4.1** | **23** |
| **Tiêu chí 4.2** | **23** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **23** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **24** |
| **Mở đầu** | **24** |
| **Tiêu chí 5.1** | **24** |
| **Tiêu chí 5.2** | **24** |
| **Tiêu chí 5.3** | **25** |
| **Tiêu chí 5.4** | **25** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **25** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**  | **26** |
| **Tiêu chí 1** | **26** |
| **Tiêu chí 2** | **26** |
| **Tiêu chí 3** | **26** |
| **Tiêu chí 4** | **27** |
| **Tiêu chí 5** | **27** |
| **Tiêu chí 6** | **27** |
| ***Kết luận***  | **28** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **28** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **30** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | Ban ĐDCM |  Ban đại diện cha mẹ trẻ |
| 3 | CBQL,GV,NV | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên |
| 4 | GD&ĐT | Giáo dục & Đào tạo |
| 5 | MN | Mầm non |
| 6 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 7 | CTGDMN | Chương trình giáo dục mầm non |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  Tiêu chí 1 |  | X |  |
|  Tiêu chí 2 |  | X |  |
|  Tiêu chí 3 |  | X |  |
|  Tiêu chí 4 |  | X |  |
|  Tiêu chí 5 |  | X |  |
|  Tiêu chí 6 | X |  |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG MẦM NON HOA HƯỚNG DƯƠNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng DG&ĐT thị xã Buôn Hồ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK LẮK |  | Họ và tênhiệu trưởng | Nguyễn Thị Quang |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Thị Xã Buôn Hồ |  | Điện thoại  | 0935299977 |
| Xã / phường/thị trấn | Phường Thiện An |  | Fax |  |
| Đạt CQG |  |  | Website | hoahuongduong.buonho.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2014 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 5 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | 3 | 3 | 3 | 3 | 11 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

 a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Giáo viên | 10 | 10 | 1 | 0 | 2 | 8 | 2 gv trung cấp |
| Nhân viên | 5 | 5 | 1 | 3 | 0 | 2 | nhân viên bảo vệ và cấp dưỡng |
| **Cộng** | 17 | 17 | 2 | 3 | 2 | 12 |  |

 b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 5 | 5 | 5 | 5 | 10 |
| 2 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 17 | 17 | 16 | 0 | 0 |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú) | 19.5 | 27.5 | 27 | 23 | 13.5 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương (nếu có) | 0 | 1 | 0 | 2 | 2 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4.** **Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 95 | 127 | 124 | 118 | 136 |  |
| *- Nữ* | 27 | 58 | 62 | 53 | 64 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 2 | 3 | 0 | 3 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 0 | 0 | 4 | 10 | 11 |  |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Tuyển mới | 48 | 48 | 53 | 98 | 80 |  |
| 5 | Học 2 buổi trên ngày | 95 | 127 | 124 | 118 | 136 |  |
| 6 | Bán trú | 76 | 113 | 108 | 118 | 136 |  |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em/lớp | 31.7 | 42.3 | 41.3 | 39.3 | 27.2 |  |
| 8 | Tỷ lệ trẻ em/nhóm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Trẻ em từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 22 |  |
| Trẻ em từ 3- 4 tuổi | 27 | 32 | 15 | 28 | 30 |  |
| Trẻ em từ 4-5 tuổi | 33 | 48 | 39 | 42 | 43 |  |
| Trẻ em từ 5-6 tuổi | 35 | 47 | 70 | 48 | 41 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

 Trường mầm non Hoa Hướng Dương có quyết định thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2014.

 Địa điểm trường được xây dựng  tại tổ dân phố 4 phường Thiện An - thị xã Buôn Hồ, với tổng diện tích là 2.500m2, trong đó diện tích phòng học là 933 m2, diện tích sân chơi được bê tông hóa là 2.000m2. Cơ sở vật chất phòng học, phòng làm việc tương đối đảm bảo theo yêu cầu.

 Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, UBND thị xã, Đảng ủy - UBND phường Thiện An. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT thị xã Buôn Hồ, sự kết hợp chặt chẽ của Ban ĐDCMH trẻ.

 Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đủ theo điều lệ trường mầm non. Có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn 14 đồng chí, trong đó có 12 đ/c đạt trình độ trên chuẩn.

 Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

 Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung. Trường mầm non Hoa Hoa Hướng Dương đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo nội dung tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

 Mục đích của việc tự đánh giá này là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

 Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

 Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của lãnh đạo và tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và quy củ hơn. Công tác tự đánh giá sẽ thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

 Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

 Tự đánh giá là một quá trình liên tục được thực hiện theo kế hoạch, được giành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của các đơn vị và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá phải dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá phải bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng nhà trường.

 Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt của trường, trưởng các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện Công đoàn, Thanh tra nhân dân.... Ban thư ký là các cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách.

 Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

 Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, bao gồm 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng và có các Hội đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm... Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, Chi bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn. Lãnh đạo nhà trường luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, quản lý toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch, theo sự chỉ đạo của cấp trên, làm việc khoa học, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, trách nhiệm cao với công việc được giao.

 Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường phát huy hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ. Tổ chức bồi dưỡng có hiệu quả về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ theo kế hoạch của trường.

 Trẻ đến trường được học bán trú và 2 buổi/ ngày100%

 Nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương, thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

 Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có phương hướng chiến lược phát triển nhà trường 5 năm (giai đoạn 2018-2022) và kế hoạch nhiệm vụ theo từng năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, phù hợp với kinh tế xã hội địa phương và nhà trường [H1-1.1-01].

 Phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường đã được UBND phường Thiện An phê duyệt. Tuy nhiên chưa được Phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Buôn Hồ phê duyệt [H1-1.1-01].

 Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết tại văn phòng nhà trường. Tuy nhiên chưa được đăng tải lên cổng thông tin điện tử nhà trường (quan sát thực tế tại văn phòng trường).

 Mức 2:

 Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường hàng năm đều có các giải pháp giám sát việc thực hiện. Tuy nhiên các biện pháp giám sát phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn chung chung [H1-1.1-01].

 Mức 3:

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường hàng năm được rà soát, đánh giá, bổ sung, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong Hội đồng trường và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường 5 năm phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, được UBND phường Thiện An phê duyệt. Trên cơ sở đó hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và thực hiện có hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển 5 năm của nhà trường chưa được được Phòng Giáo dục & Đào tạo phê duyệt, chưa đăng tải lên cổng thông tin điện tử nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020 - 2021 nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Buôn Hồ phê duyệt Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển 5 năm của nhà trường và đăng tải lên cổng thông tin điện tử nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có Hội đồng trường gồm có 7 thành viên theo quy định do Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ ký Quyết định thành lập số 65/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2020; Có Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiêm; Hội đồng chấm giáo viên giỏi do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hàng năm [H1-1.2-01]

 Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng chấm giáo viên giỏi đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 18,19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015) [H1-1.2-01].

  Trong mỗi năm học Hội hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác đều tổ chức họp thường kỳ và đột xuất theo quy định tại điều 18; Điều 19 Điều lệ trường mầm non để triển kế hoạch, rà soát, đánh giá theo quy định. Tuy nhiên việc rà soát đánh giá đôi khi còn ít được chú trọng [H1-1.2-01].

 Mức 2:

 Các hoạt động của Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác trong nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.2-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm giáo viên giỏi. Các Hội đồng hoạt động có hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Việc tổ chức rà soát đánh giá các Hội đồng trong nhà trường còn ít được chú trọng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020 - 2021 nhà trường sẽ chú trọng nhiều hơn đến việc đánh giá hoạt động của các Hội đồng thi đua, Hội đồng trường...

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có tổ chức Công đoàn được thành lập theo Quyết định số 98/QĐ-CĐGD ngày 21/8/2014 do đồng chí Bùi Thị Kim Phương Chủ tịch Công đoàn ngành giáo dục thị xã ký. Tổ chức Công đoàn nhà trường gồm có 15 công đoàn viên. Nhưng bên cạnh đó nhà trường không có tổ chức đoàn thanh niên vì số lượng giáo viên trong độ tuổi đoàn đa số là giáo viên hợp đồng ngắn hạn [H1-1.3-01].

 Tổ chức Công đoàn nhà trường hoạt động đúng theo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn, hàng năm đã góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục của nhà trường [H1-1.3-02].

 Hằng năm tổ chức Công đoàn nhà trường được rà soát đánh giá và báo cáo tổng kết về tình hình hoạt động của Công đoàn lên cấp trên đầy đủ và kịp thời [H1-1.3-02].

 Mức 2:

 Nhà trường có Chi bộ Đảng với tổng số 8 đảng viên, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy phường Thiện An. Chi bộ Đảng hoạt động đúng theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh có 3 năm đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 1 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

 Chi bộ Đảng và tổ chức Công đoàn của nhà trường hoạt động có hiệu quả, hàng năm đã đóng góp tích cực mang lại hiệu quả cao cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

 Mức 3:

 Từ khi thành lập Chi bộ đến nay, Chi bộ Hoa Hướng Dương luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường và cấp trên giao. Cụ thể từ năm 2015 đến năm 2017 đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh; năm 2018 được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2019 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

 Các đoàn thể, tổ chức Đảng trong nhà trường đã có nhiều đóng góp mang lại hiệu hieeujcao cho các hoạt động của nhà trường và địa phương [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có các tổ chức Đảng, Công đoàn. Các tổ chức hoạt động có hiệu quả, nhiều năm liền được các cấp có thẩm quyền khen thưởng.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường không có đoàn thanh niên, do một số cán bộ giáo viên trong độ tuổi sinh hoạt đoàn là hợp đồng lao động ngắn hạn hàng năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và những năm học tới nhà trường sẽ tích cực tham mưu với cấp trên hợp đồng giáo viên có thời hạn dài hơn để tham mưu với đoàn phường Thiện An thành lập đoàn thanh niên.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đầy đủ Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch số:06/2015/TTLT-BGDĐT BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm [H1-1.4-01].

 Nhà trường có tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng do Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định thành lập vào đầu các năm học [H1-1.4-02].

 Tổ chuyên môn, tổ văn phòng nhà trường hàng năm đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Bên cạnh đó một số năm tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động tháng chưa cụ thể và chi tiết [H1-1.4-03].

 Mức 2:

 Hàng năm tổ chuyên môn có đề xuất với nhà trường tổ chức chuyên đề nâng cao chuyên môn cho giáo viên và được nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên đề cho giáo viên tham dự. Tuy nhiên từ năm học 2018-2019 trở về trước  việc tổ chức các chuyên đề nâng cao chuyên môn cho giáo viên do Hiệu phó nhà trường tổ chức thực hiện. Riêng năm học 2019-2020 tổ chuyên môn của nhà trường đã tham mưu và tổ chức các chuyên đề cho giáo viên nhưng một số chuyên đề tổ chức chưa thật sự hiệu quả [H1-1.4-04] .

 Hàng năm hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời [H1-1.4-03] .

 Mức 3:

 Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp mang lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05] .

 Hàng năm tổ chuyên môn của nhà trường có đề xuất và tổ chức các chuyên đề để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường. Tuy nhiên hiệu quả đạt chưa cao nên chưa được các cấp tuyên dương khen thưởng [H1-1.4-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động tháng chưa cụ thể và chi tiết

 Việc tổ chức các chuyên đề để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ  đạt hiệu quả chưa thật sự cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá, góp ý về việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ trưởng tổ văn phòng và chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn tổ chức tốt các chuyên đề nâng cao chuyên môn cho giáo viên tại trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

 b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

 c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

 Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

 Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Năm học 2019-2020 nhà trường co 01 nhóm trẻ và 4  lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi. Nhưng bên cạnh đó có 01 lớp chồi có số trẻ ít hơn quy định [H1-1.5-01].

 Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 nhà trường có 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, trong đó số trẻ học bán trú hàng năm trên 80%. Năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020 nhà trường có 100% trẻ được học bán trú [H1-1.5-02].

  Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 nhà trường không có trẻ khuyết tật hocj hòa nhập [H1-1.5-02].

 Mức 2:

 Số trẻ trong nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo đúng độ tuổi. Tuy nhiên vẫn còn một số lớp số trẻ còn ít hơn quy định [H1-1.5-01].

 Mức 3:

 Năm học 2019-2020 nhà trường có 05 nhóm, lớp. Trong đó có 01 nhóm trẻ và 4 lớp mẫu giáo được phân chia đúng độ tuổi [H1-1.5-01]

 **2. Điểm mạnh**

 Năm học 2019-2020 các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi.100% trẻ được học hai buổi trên ngày, hàng năm có tỷ lệ trẻ được học bán trú cao.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường có một số lớp có số trẻ ít hơn so với quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường tiếp tục duy trì đảm bảo việc phân chia trẻ đúng độ tuổi và có kế hoạch tuyển sinh đủ số lượng để phân chia trẻ theo lớp đảm bảo theo yêu cầu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.6-01].

 Nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

 Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02].

 Mức 2:

 Nhà trường ứng dụng phần mềm Mi sa về quản lý tài sản, tài chính một cách có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. [H1-1.6-02].

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.4-05].

 Mức 3:

 Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học có lồng ghép nội dung về công tác tài chính để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên nhà trường không xây dựng riêng kế hoạch về công tác tài chính và kế hoạch một số năm học chưa thể hiện rõ các giải pháp tạo ra các nguồn tài chính trong nhà trường [H1-1.1-01];  .

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có hệ thống hồ sơ đầy đủ, khoa học, lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường không có Kế hoạch về công tác tài chính mà chỉ xây dựng chung với Kế hoạch nhiệm vụ năm học, bên cạnh đó 1 số năm học kế hoạch chưa thể hiện rõ các giải pháp tạo ra các nguồn tài chính.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo nhà trường đầu tư nghiên cứu kỹ và xây dựng Kế hoạch về công tác tài chính và kế hoạch năm học để thể hiện rõ các giải pháp tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo từng năm học dựa trên các văn bản chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.7-01].

 Hàng năm vào đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức họp Ban giám hiệu nhà trường thống nhất và ra Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ giáo viên, nhân viên phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng của từng người. Vì vậy CBGV,NV nhà trường hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.7-02].

 Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn được đảm bảo các quyền lợi như hưởng lương, phụ cấp ưu đãi và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định [H1-1.7-03].

 Mức 2:

 Nhà trường có biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV, NV đảm bảo theo yêu cầu, phân công nhiệm vụ cho CBGV,NV hàng năm rõ ràng, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên một năm đạt hiệu quả không cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo nhà trường tạo mọi điều kiện và khuyến khích CBGV,NV tham gia học tập và bồi dưỡng về nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hàng năm nhà trường căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở, của Phòng Giáo dục, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.1-02];[H1-1.8-01].

 Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-01].

 Hàng tháng, hàng kỳ Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nhà trường tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-01] ; [H1-1.8-02].

 Mức 2:

 Hàng tháng, hàng kỳ nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo theo yêu cầu. Vì vậy chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường đạt tương đối cao [H1-1.1-02] ; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ hàng năm đúng theo quy định của các văn bản chỉ đạo cấp trên và tổ chức thực hiện đạt kết quả tương đối cao.

**3. Điểm yếu**

 Việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát, điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục của nhà trường một số năm chưa thật sự mang lại hiệu quả.cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo nhà trường xây dựng chăm sóc giáo dục trẻ sẽ căn cứ, bám sát  vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên và có các biện pháp để kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục của nhà trường một cách sáng tạo để đạt được kết quả cao hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế dân chủ trong nhà trường vào năm 2015, hàng năm vào đầu năm học nhà trường tổ chức họp hội đồng sư phạm và tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức đầu năm học để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý sửa đổi bổ sung các nội dung liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên việc góp ý để sửa đổi bổ sung vào quy chế vẫn chưa được cán bộ giáo viên nhân viên mạnh dạn góp ý xây dựng [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02] .

 Công tác khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBGV,NV và phụ huynh học sinh luôn được nhà trường và Công đoàn quan tâm, giải quyết kịp thời [H1-1.3-02].

 Hàng năm nhà trường thực hiện đầy đủ báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở lên cấp trên theo quy định [H1-1.9-02] .

 Mức 2:

 Nhà trường tổ chức thực hiện công khai, minh bạch trong các Hội nghị và cuộc họp CBGV,NG, phụ huynh học sinh của nhà trường. Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân theo dõi giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.  Cán bộ giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Việc tổ chức thực hiện quy chế công khai trong nhà trường đôi lúc chưa được kịp thời và đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo nhà trường tổ chức thực hiện kịp thời và đảm bảo đúng quy chế công khai theo Thông tư hướng dẫn. Xây dựng, chỉnh sửa bổ sung Quy chế dân chủ theo Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn thực  hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có phương án phòng cháy, chữa cháy; phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; Bếp ăn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, được phòng y tế thị xã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]

 Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của Hiệu trưởng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-04].

 Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-02].

 Mức 2:

 Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Tuy nhiên công tác phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án phòng cháy, chữa cháy...chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục. Bên cạnh đó nhà trường chưa tham mưu với cấp trên để cấp giấy chứng nhận trường học an toàn [H1-1.4-05]; [H1-1.10-02].

 Đầu năm học nhà trường ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bạo lực học đường; tai nạn thương tích; an ninh trật tự...Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường ký cam kết để thực hiện. Hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm Hiệu trưởng thường xuyên quán triệt cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường về công tác bảo lực học đường... Đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nắm bắt thông tin kịp thời chấn chỉnh nên không có cán bộ giáo viên, nhân viên vi phạm [H1-1.9-01]; [H1-1.10-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Không có tình trạng bạo lực học đường và kỳ thị xảy ra trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Công tác phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án phòng cháy, chữa cháy...cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục. Trường chưa có giấy chứng nhận trường học an toàn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và các năm học tới nhà trường thường xuyên phối hợp với công an phòng cháy chữa cháy tổ chức quán triệt và phổ biến các biện pháp phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh trường học đến cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường. Đồng thời tham mưu với cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trường học an toàn cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

 Trường mầm non Hoa Hướng Dương có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, bao gồm 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng, có các Hội đồng như: Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi; Có 2 tổ chuyên môn và 1 tổ hành chính, có tổ chức công đoàn, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà trường luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, quản lý toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo của cấp trên. Ban giám hiệu làm việc khoa học, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm cao với công việc được giao.

 Tổ chuyên môn và Tổ văn phòng của nhà trường phát huy hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng các thành viên trong tổ. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ. Tổ chức bồi dưỡng có hiệu quả về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ theo kế hoạch của trường.

 Nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương, thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý trẻ, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. Thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm và quản lý tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

 Có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

 Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện của địa phương và đạt hiệu quả tương đối cao. Luôn bám sát các nội dung của tiêu chuẩn, có kế hoạch cải tiến chất lượng thường xuyên như đổi mới công tác quản lý chỉ đạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

 Bên cạnh những kết quả đạt được ở các tiêu chí trong tiêu chuẩn I nhà trường vẫn còn một số điểm yếu như: Việc tổ chức rà soát đánh giá phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; đánh giá hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường còn ít được chú trọng. Chưa xây dựng riêng Kế về công tác tài chính dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

 Xây dựng các giải pháp để bồi dưỡng chuyên môn nghiêp vụ cho CB-GV-NV còn chung chung. Công tác phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án phòng cháy, chữa cháy...cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục.

 Giáo viên lập kế hoạch giáo dục hàng ngày lựa chọn một số nội dung giáo dục còn mang tình hình thức, rập khuôn, ít có sự sáng tạo.

 Một số năm học trước trẻ còn phải học ghép 2 độ tuổi và số trẻ trong 01 lớp vượt quá quy định.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 9/10 (4/5) tiêu chí chiếm 90 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

 Trường Mầm non Hoa Hướng Dương có đội ngũ CB,GV,NV đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ năng lực để triển khai và thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non. Tập thể CB,GV,NV trong trường đoàn kết, thống nhất, các thành viên luôn nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tích cao trong công tác, luôn có ý thức trau dồi về phẩm chất chính trị đạo đức, được đồng nghiệp phụ huynh và nhân dân tin tưởng. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn. Có bằng trung cấp lý luận chính trị. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có kinh nghiệm trong công tác quản lý chỉ đạo. Hàng năm được đánh giá theo chuẩn Hiệu trưởng đạt loại khá trở lên, có năng lực chuyên môn, năng lực lãnh đạo quản lý, đưa tập thể trường ngày một vươn lên. Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ trên chuẩn cao. Nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách, các quyền lợi theo quy định, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại theo quy định, hàng năm đều được xếp loại khá trở lên.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non cụ thể: Có bằng Đại học sư phạm mầm non, có chứng chỉ tin học, có chứng chỉ ngoại ngữ. Bên cạnh đó Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng vẫn còn hạn chế một số kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

 Hàng năm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-02].

 Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã qua các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-01].

 Mức 2:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt loại khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-02].

 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường có bằng trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó có 4 năm được đánh giá đạt loại tốt và 1 năm đạt loại khá [H2-2.1-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu về thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có bằng đại học, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, có uy tín với phụ huynh học sinh và cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường, hàng năm được đánh giá chuẩn từ loại khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

 Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng vẫn còn hạn chế một số kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm tới Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tự học tập nâng cáo các kỹ năng còn hạn chế về công nghệ thông tin để đáp ứng các yêu cầu giáo dục hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

 c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định. Cụ thể có 2 giáo viên/ 1 lớp bán trú [H1-1.7-02].

 100% giáo viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp từ trung cấp sư phạm mầm  non trở lên. Cụ thể có 2 giáo viên có trình độ trung cấp sư phạm mầm non; 2 giáo viên có trình độ cao đẳng và 6 giáo viên có trình độ đại học [H2-2.1-01].

 Trong năm năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.1-01].

 Mức 2:

 Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 8/10 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 80%. Trong 5 năm qua (2015-2020) trình độ giáo viên trên chuẩn của nhà trường luôn ổn định và tăng dần hàng năm [H2-2.1-01].

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Riêng năm học 2019 -2020 có 6 giáo viên được xếp loại khá và 4 giáo viên xếp mức đạt [H2-2.2-01].

 Trong  5 năm liên tiếp tính đến thời điiểm đánh giá nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật [H2-2.2-02].

 Mức 3:

 Đội ngũ giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo trên chuẩn 8 giáo viên, đạt tỷ lệ 80% [H2-2.1-01].

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó từ năm học 2017-2018 trở về trước hàng năm có 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020 thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư 26/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhà trường không có giáo viên nào đạt loại tốt.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đội ngũ giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn cao, có đạo đức lối sống tốt, luôn yêu nghề, mến trẻ, nhiệt tình trong công việc và được phụ huynh tin yêu. Đội ngũ giáo viên luôn có ý thức tự học tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bản thân, hàng năm số lượng giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ loại khá trở lên tương đối cao.

**3. Điểm yếu**

 Căn cứ tiêu chí theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020 nhà trường không có giáo viên nào được đánh giá đạt loại tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tạo điều kiện, động viên khuyến khích giáo viên học tập, rèn luyện nâng cao các yêu cầu theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để giáo viên đạt kết quả cao hơn về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong những năm học tới.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm các chức vụ như Chủ tịch Công đoàn; Tổ khối trưởng; nhân viên y tế ...để đảm bảo các nhiệm vụ trong nhà trường [H1-1.7-02].

 Nhà trường có 3 nhân viên thuộc diện biên chế gồm kế toán, thủ quỹ và bảo vệ được phân công công việc phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Vì vậy các nhân viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình [H1-1.7-02].

 Nhìn chung các nhân viên của nhà trường hoàn tốt các nhiệm vụ được giao, bên cạnh đó vẫn có một số nhân viên chưa phát huy hết khả năng của mình trong công việc được giao [H2-2.2-02].

 Mức 2:

 Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định hiện hành, đảm bảo về khung vị trí việc làm trong nhà trường [H1-1.7-02].

 Trong 05 năm liên tiếp tinh đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

 Mức 3:

 Nhân viên kế toán, văn thư, thủ quỹ của nhà trường có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chuyên môn được giao. Nhân viên cấp dưỡng đã có chứng chỉ nghề, riêng nhân viên bảo vệ chưa có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn [H2-2.1-01].

 Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H1-1.7-01]; [H1-1.6-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhân viên kế toán nhà trường có bằng Đại học tài chính kế toán, nhân viên văn thư thủ quỹ trường có bằng cao đẳng thư ký văn phòng, hằng năm nhân viên của nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do các cấp triển khai.

**3. Điểm yếu**

 Nhân viên bảo vệ của nhà trường chưa có chứng chỉ nghề. Một số nhân viên chưa phát huy hết khả năng của mình trong công việc được giao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường đề nghị cấp trên mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để tạo điều kiện cho nhân viên bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

 Người thực hiện: Nhân viên bảo vệ

 Thời gian: 2020 - 2021

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

 Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên  nhà trường đều đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có đủ năng lực để triển khai và thực các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; có phẩm chất đạo đức tốt được nhân dân tin yêu. Hàng năm CBQL và giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định đều được xếp loại đạt trở lên.

 Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ.

 Nhà trường có 50% giáo viên hợp đồng ngắn hạn nên việc học tập và nâng cao trình độ chuyên cho giáo viên còn hạn chế.

 Năm 2018-2019; 2019-2020 số cán bộ quản lý và giáo viên  đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt không có.

 Nhân viên bảo vệ nhà trường chưa qua trường lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/3 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 3/3 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 3/3 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 2/3 tiêu chí chiếm 66.7 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

 Trường MN Hoa Hướng Dương có 2,500 m2 diện tích đất, nhà trường đã được UBND thị xã Buôn Hồ đầu tư xây dựng về cơ sở vật chất tương đối đảm bảo, cảnh quan nhà trường xanh - sạch - đẹp, diện tích đất tương đối rộng, khuôn viên sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu. Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng, nhà hiệu bộ tương đối  đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có nguồn nước sạch đáp ứng đầy đủ cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ tại nhà trường.

 Nhà trường có một số trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Hàng năm nhà trường tham mưu với Phòng tài chính thị xã cấp kinh phí mua sắm bổ sung, xây dựng mới và cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

 a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

 b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

 c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

 Mức 2:

 a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

 b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

 c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

 Mức 3:

 Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có diện tích đất 2,500 m2 đảm bảo theo quy định  tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 [H3-3.1-01].

 Có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02]

 Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung, cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Tuy nhiên khu vực sân chơi ở dãy nhà mới cây xanh còn ít [H3-3.1-02].

 Mức 2:

 Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn của nhà trường đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

 Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường. Song, cây xanh trong sân trường còn ít, bố trí chưa đẹp [H3-3.1-02].

 Sân vườn của trường thường xuyên sạch sẽ, có rào chắn an toàn. Nhưng bên cạnh đó khu vực trẻ chơi chưa đủ thiết bị, đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 [H3-3.1-02].

 Mức 3:

 Nhà trường có sân vườn riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, nhưng sân vườn chưa đảm bảo yêu cầu; Chưa đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Hàng năm nhà trường có kế hoạch mua sắm các trang thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H3-3.5-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có diện tích đất xây dựng đảm bảo theo yêu cầu. Có tường rào bao quanh, có cây xanh bóng mát, sạch sẽ, an toàn.

**3. Điểm yếu**

 Cây xanh trong sân trường còn ít, bố trí các góc khuôn viên của sân trường chưa đẹp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2020-2021 nhà trường đảm bảo tốt các cơ sở vật chất sẵn có và thiết kế sân trường đảm bảo quy định. Cụ thể Nhà trường phối hợp với phụ huynh học sinh thiết kế, quy hoạch các khu vận động, vườn cổ tích cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Đồng thời huy động các nguồn lực đóng góp từu phụ huynh học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

 a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

 b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

 c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

 Mức 2:

 a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

 b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

 Mức 3:

 Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 5 phòng học đáp ứng đầy đủ cho các nhóm lớp theo đúng độ tuổi [H3-3.1-01].

 Nhà trường có đầy đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục thể chất (có thể sử dụng làm phòng đa chức năng) để tổ chức hoạt động giáo dục giáo dục nghệ thuật, học ngoại ngữ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-01].

 Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ và một số thiết bị dạy học cho các lớp [H1-1.6-02]; [H3-3.2-01] .

 Mức 2:

 Nhà trường có các phòng sinh hoạt chung, giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật đảm bảo theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

 Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu theo theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tuy nhiên nhà trường vẫn còn thiếu một số tủ, kệ đựng đồ chơi và các thiết bị đồ dùng đồ chơi của các lớp [H1-1.6-02]; [H3-3.2-01] .

 Mức 3:

 Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học  .

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có 5 phòng sinh hoạt chung rộng rãi, thoáng mát, đảm bảo theo yêu cầu. Có hệ thống đèn, quạt, có tủ đựng hồ sơ và một số thiết bị dạy học.

**3. Điểm yếu**

 Các thiết bị đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02 của các lớp chưa đầy đủ 100%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2020-2021 nhà trường chỉ đạo cán bộ giáo viên bảo quản tốt cơ sở vật chất hiện có và tích cực tham mưu với Phòng tài chính cấp kinh phí mua sắm bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi để đảm bảo theo quy định. Đồng thời triển khai cho giáo viên làm đồ dùng đồ chơi tự tạo để phục vụ cho các hoat động giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

 a) Có các loại phòng theo quy định;

 b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

 c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

 Mức 2:

 a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

 b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

 Mức 3:

 Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có các phòng dành cho Hiệu trưởng; phó Hiệu trưởng; phòng hành chính; văn phòng và khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Chưa có phòng Bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, phòng y tế [H3-3.1-01].

 Các phòng đều có trang thiết bị tối thiểu để làm việc như; có máy vi tính và các phương tiện làm việc [H1-1.6-02] .

 Có Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

 Mức 2:

 Các phòng dành cho Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, văn phòng trường và phòng tài vụ của nhà trường có diện tích đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

 Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi. Tuy nhiên diện tích nhỏ không đảm bảo yêu câu [H3-3.3-01].

 Mức 3:

 Nhà trường có các phòng học, phòng thể chất, phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, phòng hành chính, văn phòng và bếp ăn đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tuy nhiên nhà trường chưa có phòng bảo vệ, phòng y tế, kho thực phẩm [H3-3.1-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có các phòng dành cho Hiệu trưởng; phó Hiệu trưởng; phòng hành chính; văn phòng và khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

**3. Điểm yếu**

 Còn thiếu 1 số loại phòng theo quy định như phòng Bảo vệ, phòng nhân viên, phòng y tế.

 Nhà để xe của giáo viên diện tích hẹp không để được hết xe của CBGV,Nv trong nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ sở vật chất hiện có và tham mưu với UBND thị xã đầu tư xây dựng các phòng còn thiếu và làm khu nhà để xe cho CBGV,NV trên dãy lớp học mới.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

 a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

 b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

 c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

 Mức 2:

 Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

 Mức 3:

 Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

 Nhà trường không có kho thực phẩm riêng biệt, tuy nhiên nhà trường đã tận dụng từ các ngăn hộc trong bếp ăn để làm nơi đựng thực phẩm, các ngăn được chia thành nhiều ngăn riêng biệt đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

 Có tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm và được lưu trữ đảm bảo theo quy định [H1-1.6-02]; [H3-3.4-01].

 Mức 2:

 Bếp ăn của nhà trường có diện tích là 60 m2được chia cho 136 trẻ, mỗi trẻ có bình quân 0,44 m2đảm theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được cải tạo theo quy trình bếp 1 chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn Bán trú tại trường, đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thưc phẩm [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

 Mức 3:

 Bếp ăn của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, thông thoáng, sạch sẽ không có côn trùng. Các dụng cụ được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng, có đồ dùng bảo quản thực phẩm, có hệ thống nước sạch, rác thải được thu gom hàng ngày sạch sẽ . Tuy vậy chưa có kho đựng thực phẩm, cửa sổ chưa có lưới chống côn trùng [H1-1.6-02]; [H3-3.4-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Bếp ăn nhà trường có diện tích đảm bảo theo quy định, được thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn Bán trú tại trường, đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thưc phẩm.

**3. Điểm yếu**

 Chưa có kho đựng thực phẩm và của sổ bếp chưa có lưới chống côn trùng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường duy trì tốt điểm mạnh và có kế hoạch tham mưu với cấp trên xây dựng kho đựng thực phẩm và làm lưới chống côn trùng để đảm bảo theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

 a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

 b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định [H3-3.5-01]

 Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, tuy nhiên số lượng đồ dùng giáo viên tự tạo vẫn còn ít [H3-3.5-02].

 Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa kịp thời [H3-3.5-03].

 Mức 2:

 Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

 Nhà trường có các thiết bị tối thiểu phục vụ dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, nhưng các thiết bị chưa đầy đủ 100% [H3-3.5-01].

 Hằng năm các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được nhà trường và giáo viên bổ sung thêm [H3-3.5-01] ; [H3-3.5-02].

 Mức 3:

 Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng thường xuyên và hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên số lượng đồ dùng đồ chơi tự tạo của giáo viên còn ít [H3-3.5-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. Có hệ thống máy tính được kết nối internet. Hằng năm được nhà trường kiểm tra, rà soát, sửa chữa, mua sắm bổ sung kịp thời và mở sổ theo dõi đầy đủ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

 Một số danh mục đồ dùng theo Thông tư 02 của một số lớp chưa đầy đủ. Số lượng đồ dùng giáo viên tự tạo vẫn còn ít, một số giáo viên chưa khai thác tận dụng hết hiệu quả các đồ dùng đồ chơi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục chỉ đạo cán bộ giáo viên, nhân viên nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong công tác chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ.

 Tích cực tham mưu với Phòng tài chính cấp kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư 02 cho các lớp còn thiếu.

 Có Kế hoạch triển khai cho giáo viên tự làm đồ dùng đồ chơi.

 Thường xuyên dự giờ góp ý rút kinh nghiệm về việc tận dụng hiệu quả của đồ dùng đồ chơi cho giáo viên.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

 a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

 b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

 b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh của trẻ đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H3-3.1-01].

 Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; Hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

 Nhà trường hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường thu gom rác thải để đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước thải đảm bảo không bị tồn đọng. Dù vậy rác thải có lúc chưa được thu gom hàng ngày, thùng rác không có nắp đậy [H3-3.1-01]; [H3-3.6-02].

 Mức 2:

 Phòng vệ sinh cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

 Nhà trường hợp đồng với nhà máy nước Buôn Hồ cung cấp nước sạch, đảm bảo vệ sinh theo yêu cầu, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.6-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có khu vệ sinh cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo sạch sẽ, được thiết kế đúng theo quy định; hệ thống nước máy đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

 Rác thải đôi khi chưa được thu gom kịp thời trong ngày.

 Thùng rác không có nắp đậy.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020 – 2021 nhà trường tiếp tục duy trì tốt hệ thống nước máy và thu gom rác thải trong nhà trường. Chỉ đạo giáo viên, nhân viên làm tốt công tác vệ sinh, đồng thời phối hợp với công ty môi trường nhắc nhở nhân viên thu gom rác hàng ngày kịp thời. Tiếp tục tham mưu mua loại thùng rác có nắp đậy để đảm bảo vệ sinh môi trường được tốt hơn.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

 Trường mầm non Dương được có có đầy đủ các phòng học đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Khuôn viên của trường có bảng tên trường, tường rào bao quanh. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có vườn hoa, cây xanh bóng mát. Sân chơi đảm bảo an toàn và có 1 số đồ chơi ngoài trời.

 Các phòng học rộng rãi, thoáng mát  đảm bảo an toàn. Môi trường trang trí đẹp, có tương đối đầy đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu theo quy định; đảm bảo ấm áp trong mùa đông, thoáng mát về mùa hè, có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. Có hiên chơi đảm bảo an toàn cho trẻ. Phòng phát triển thể chất diện tích đảm bảo, thoáng mát, đủ ánh sáng. Bếp được cải tạo theo quy trình bếp một chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

 Phòng hiệu trưởng, hiệu phó, hành chính được trang bị một số đồ dùng và các phương tiện làm việc.

 Nhà trường có khu vệ sinh cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo sạch sẽ, được thiết kế đúng theo quy định; hệ thống nước máy đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Bên cạnh đó nhà trường còn thiếu phòng bảo vệ, phòng y tế, phòng kho và một số trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi.

 Đồ dùng, đồ chơi tự làm bằng nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương của giáo viên còn ít, chưa phong phú, độ bền chưa cao.

 Nhà xe của giáo viên diện tích nhỏ không đáp ứng hết lượng xe của giáo viên

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 1/6 (0/5) tiêu chí chiếm 16.7 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

 Trong những năm qua nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, UBND phường, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Y tế địa phương phường Thiện An và Ban đại diện Hội cha mẹ trẻ. Ban đại diện Hội cha mẹ trer được kiện toàn ngay từ đầu năm học và hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ, Ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp với ban giám hiệu nhà trường hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, kiến thức chăm sóc-giáo dục trẻ đến toàn thể cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ cùng với nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cả năm học. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ nhà trường bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất, động viên khen thưởng kịp thời đội ngũ CB,GV,NV có thành tích cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cùng với nhà trường tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua từng năm học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm vào đầu năm học nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ trẻ để bầu ra ban đại diện cha mẹ trẻ. Ban ĐDCM trẻ hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ theo thông tư số 55/2011/TT-BGD ĐT ngày 22/11/2011). Tuy nhiên bên cạnh đó một số năm Ban đại diện CM trẻ không tổ chức họp cuối năm học để báo cáo kết quả hoạt động mà chỉ báo cáo vào Hội ngtrercha mẹ trẻ em đầu năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

 Hàng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường đều dựng kế hoạch hoạt động của năm học và phối hợp với nhà trường triển khai thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra [H4-4.1-02].

 Ban đại diện cha mẹ trẻ hàng năm đều bám sát kế hoạch đã được xây dựng đầu năm học cùng phối hợp với nhà trường và tổ chức thực hiện các hoạt động  đúng tiến độ và đạt hiệu quả [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

 Mức 2:

 Ban ĐDCM trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và công tác xã hội hóa giáo dục. Tuy nhiên việc tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ còn hạn chế [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

 Mức 3:

 Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ và huy động các tổ chức chính trị, xã hội về thực hiện xã hội hóa giáo dục [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có Ban ĐDCM trẻ của mõi lớp, của trường và hoạt động theo quy định, của Điều lệ Ban ĐDCM trẻ đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình, thường xuyên phối hợp với nhà trường để tháo gỡ những khó khăn, tuyên truyền vận động các bậc phụ huynh làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Công tác phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ của Ban ĐDCM trẻ chưa được thường xuyên và liên tục. Một số năm học Ban ĐDCM trẻ không tổ chức họp cuối năm học để báo cáo kết quả hoạt động mà chỉ báo cáo vào Hội nghị phụ huynh đầu năm học

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 Ban ĐDCM trẻ tiếp tục phối hợp với nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ; cùng với nhà trường huy động các nguồn lực xã hội hóa để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ trong trường cũng như trong việc tạo dựng cảnh quan môi trường. Chỉ đạo các lớp xây dựng goc tuyên truyền với nội dung phong phú, hình thức hấp dẫn để tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về các hoạt động của nhà trường. Làm tốt công tác trao đổi thông tin hai chiều trong các giờ đón trẻ cũng như bằng hình thức trao đổi qua điện thoại đối với cha mẹ trẻ để gắn chặt trách nhiệm, mối quan hệ giữa phụ huynh và cô giáo trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại trường. Đồng thời tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh cuối năm học để báo cáo kết quả hoạt động của năm học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hàng năm nhà trường lập các tờ trình tham mưu với cấp ủy đảng, UBND phường Thiện An để xin hổ trợ kinh phí và các khoản thu từ phụ huynh nhằm góp phần đạt được các mục tiêu đã được xây dựng trong kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường và được chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi và cho chủ trương để nhà trường thực hiện [H1-1.6-01]; [H4-4.1-02].

 Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường với các hình thức như: Tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa phụ huynh và giáo viên, bảng tuyên truyền các lớp [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

 Trong năm học 2015-2016 và 2016-2017 nhà trường thực hiện tốt việc tổ chức huy động và sử dụng các nguồn lực do phụ huynh đóng góp đúng theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Tuy nhiên công tác lưu trữ hồ sơ về minh chứng xã hội hóa của nhà trường chưa được tốt [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.2-02]

 Mức 2:

 Hằng năm nhà trường lập các tờ trình tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo kế hoạch [H1-1.6-01].

 Nhà trường có quy chế phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Tuy nhiên công tác tổ chức một số hoạt động lễ hội, sự kiện đôi lúc chưa được sáng tạo, hoạt động chưa được phong phú [H4-4.2-01]; [H4-4.1-03].

 Mức 3:

 Hàng năm nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy vậy có một số năm nhà trường không đạt đơn vị văn hóa  [H4-4.2-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường và Ban ĐDCM trẻ làm tốt công tác tham mưu với các cấp chính quyền địa phương, mang lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Công tác tổ chức một số hoạt động lễ hội, sự kiện đôi lúc chưa được sáng tạo, hoạt động chưa được phong phú. Công tác tham mưu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa tại địa phương chưa đạt hiệu quả. Công tác lưu trữ hồ sơ về minh chứng xã hội hóa của nhà trường chưa được tốt

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2020-2021 nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức ngày hội ngày lễ đề ra các biện pháp và chỉ đạo cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường  tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện sáng tạo và đạt hiệu quả cao hơn. Tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Đồng thời chỉ đạo kế toán cập nhật và lưu trữ hồ sơ về công tác xã hội hóa một cách khoa học và đúng quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

 Hằng năm vào đầu năm học CB,GV,NV chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc giáo dục trẻ để nâng cao chất lượng của nhà trường. Thông tin giữa nhà trườnggiaoscha mẹ trẻ được thực hiện qua bảng tin, các buổi họp định kỳ theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường còn thông báo kịp thời các hoạt động hàng ngày liên quan đến trẻ qua trao đổi trực tiếp và các cuộc họp định kỳ. Ngoài ra các thông tin về việc sóc, giáo dục, sức khỏe của trẻ còn được giáo viên ghi nhận và trao đổi với cha mẹ trẻ qua sổ Bé ngoan hàng tháng. Bên cạnh đó nhà trường và ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch.

 Công tác phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ của Ban ĐDCM trẻ chưa được thường xuyên và liên tục. Việc tổ chức họp ban đại diện cha mẹ trẻ một số năm chưa được đầy đủ.

 Việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa của địa phương chưa đạt hiệu quả cao.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 1/2 (1/2) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

 Công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ là vấn đề then chốt quan trọng để thực hiện mục tiêu giáo dục của trường mầm non, giúp trẻ phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển kỹ năng sống cần thiết, phù hợp với trẻ. Nhà trường tập trung chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt kế hoạch Giáo dục mầm non, thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc có sự phối hợp với cơ sở Y tế địa phương, để đạt kết quả trong việc nâng cao sức khỏe cho trẻ.

 Nhà trường xây dựng kế hoạch can thiệp tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ bằng những biện pháp phù hợp; Tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất, tinh thần của trẻ; Chỉ đạo CB,GV,NV thực hiện tốt công tác bán trú, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ; Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng được nâng lên.

 Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường. Đa số giáo viên biết tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

 a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

 b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

 c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

 Mức 2:

 a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

 b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

 Mức 3:

 a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

 b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục đào tạo và theo văn bản chỉ đạo của phòng Giáo dục đào tạo thị xã Buôn Hồ [H1-1.8-01]; [H1-1.4-03]; [H5-5.1-02].

 Căn cứ vào Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở, Phòng Giáo dục để nhà trường xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường và độ tuổi của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.4-03].

 Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của các nhóm, lớp. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục còn ít chú trọng trong việc lấy trẻ làm trung tâm [H5-5.1-01]; [H5-5.1-03].

 Mức 2:

 Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng [H1-1.4-05] .

 Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn có một số giáo viên xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung giáo dục chưa được phù hợp với tình hình thực tế và khả năng của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.4-03];[H5-5.1-03].

 Mức 3:

 Nhà trường không đủ điều kiện để thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

 Công tác tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vẫn còn nhiều hạn chế.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện địa phương, đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục còn ít chú trọng trong việc lấy trẻ làm trung tâm và xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung giáo dục chưa được phù hợp với trẻ.

 Công tác tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vẫn còn nhiều hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và trong những năm học tới nhà trường tổ chức các chuyên đề để nâng cao chuyên môn cho giáo viên trọng tâm về chuyên đề hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

 Tổ chức thực hiện đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và có kế hoạch điều chỉnh cải tiến kịp thời đạt hiệu quả cao hơn.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

 a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

 b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

 c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

 Mức 2:

 Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

 Mức 3:

 Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm chơi mà học, học bằng chơi .

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Đa số giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Bên cạnh đó vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ chưa được linh hoạt, sáng tạo [H5-5.1-02].

 Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Tuy vậy việc bố trí, xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ trãi nghiệm vẫn còn nhiều hạn chế [H5-5.2-01].

 Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế [H5-5.1-02];[H5-5.1-03].

 Mức 2:

 Đa số giáo viên nhà trường biết tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Tuy vậy các hoạt động cho trẻ đi tham quan thực tế chưa được tổ chức thường xuyên [H5-5.1-02].

 Mức 3:

 Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, nhưng kết quả hoạt động của trẻ đạt chưa cao [H5-5.1-02];[H5-5.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường nhà trường. Đa số giáo viên đã biết tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ chưa được linh hoạt, sáng tạo. Việc bố trí, xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ trãi nghiệm vẫn còn nhiều hạn chế, việc tổ chức cho trẻ đi tham quan thực tế chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo Ban giám hiệu nhà trường và các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ để nâng cao chuyên môn cho giáo viên và chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ được tham quan trãi nghiệm thực tế nhiều hơn.

 Nhà trường có kế hoạch bố trí kinh phí, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng môi trường hoạt động ngoài trời cho trẻ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

Mức 1:

 a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

 b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

 c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

 Mức 2:

 a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

 b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

 c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

 Mức 3:

 Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường phối hợp với Trạm y tế phường Thiện An tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, tổ chức uống vắc xin định kỳ cho trẻ và phối hợp tốt việc phòng ngừa các dịch bệnh cho trẻ [H5-5.3-01].

 Số trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định trong năm học 2015-2016 có 95 trẻ; năm 2016-2017 có 127 trẻ; năm học 2017-2018 có 124 trẻ; năm 2018-2019 có 118 trẻ; năm học 2019-2020 có 136 trẻ [H5-5.3-02].

 100% số trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Tuy nhiên vẫn còn một số trẻ còn suy dinh dưỡng về thấp còi, cân nặng, béo phì [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

 Mức 2:

 Công tác tư vấn cho cha mẹ trẻ em về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em được nhà trường tổ chức vào các cuộc họp phụ huynh và giáo viên thương trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ [H4-4.1-02]; (giáo viên trao đổi trực tiếp với giáo viên).

 Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần để đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường. Thực đơn được cân đối hàng ngày gồm 01 bữa chính và 01 bữa phụ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định [H5-5.3-04].

 Số trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì năm 2015-2016 có 2/95 trẻ; năm 2016-2017 có 4/127 trẻ; năm 2017-2018 có 3/124 trẻ; năm 2018-2019 có 5/118 trẻ; năm học 2019-2020 có 6/136 trẻ, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học, song kết quả cải thiện trẻ suy dinh dưỡng đạt không cao [H5-5.3-03].

 Mức 3:

 Tỷ lệ số trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường năm học 2015-2016 có 93/95 trẻ đạt 97%; năm 2016-2017 có 123/127 trẻ đạt 96%; năm 2017-2018 có 121/124 trẻ đạt 97%; năm 2018-2019 có 113/118 trẻ đạt 95%, năm 2019-2020 có 130/136 trẻ đạt 95%. [H5-5.3-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có kế hoạch phối hợp với y tế phường về công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo quy định. Xây dựng thực đơn hàng ngày cho trẻ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Số trẻ của nhà trường hàng năm được cân đo biểu đồ đúng quy định và đạt tỷ lệ bình thường từ 95% trở lên.

**3. Điểm yếu**

 Kết quả cải thiện trẻ suy dinh dưỡng đạt không cao, vẫn còn một số trẻ bị suy dinh dưỡng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được trong những năm học qua và có kế hoạch phối hợp với cha mẹ trẻ cải thiện thêm về chế độ ăn uống, chăm sóc sức khỏe cho các cháu ở gia đình.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

 b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

 c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

 b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

 c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

 b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi của nhà trường đều đạt từ  90% trở lên và đạt 85% trở lên đối với trẻ dưới 5 tuổi [H5-5.4-01].

 Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non trong 5 năm từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 đều đạt 100% trẻ [H5-5.4-02] .

 Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm, chăm sóc, tạo mọi điều kiện để được hưởng các chế độ chính sách [H1-1.5-02].

 Mức 2:

 Tỷ lệ trẻ chuyên cần của nhà trường hàng năm đạt cụ thể: năm học 2015-2016 đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trẻ dưới 5 tuổi đạt 85%; năm 2016-2017 đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,27% trẻ dưới 5 tuổi đạt 86,3%; năm 2017-2018 đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%; năm 2018-2019 đối với trẻ 5 tuổi đạt 97,4% trẻ dưới 5 tuổi đạt 95%; năm 2019-2020 đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,8% trẻ dưới 5 tuổi đạt 87,4%. Bên cạnh đó đối với trẻ dưới 5 tuổi một số năm tỷ lệ chuyên cần đạt thấp, chỉ đạt 85% [H5-5.4-01].

 Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường  từ năm học 2015-2016 có 35 trẻ hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%; năm học 2016-2017 có 47 trẻ hoàn thành CTGDMN đạt 100%; Năm học 2017-2018 có 70 trẻ hoàn thành CTGDMN đạt 100%; năm 2018-2019 có 48 trẻ hoàn thành CTGDMN đạt 100%; năm 2019-2020 có 41 trẻ hoàn thành CTGDMN đạt 100%. [H5-5.4-02].

 Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

 Mức 3:

 Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non của nhà trường hàng năm đều đạt 100% cụ thể: năm học 2015-2016 có 35/35 trẻ; năm học 2016-2017 có 47/47 trẻ; năm học 2017-2018 có 70/70 trẻ; năm học 2018-2019 có 48/48 trẻ; năm học 2019-2020 có 41/41 trẻ  [H5-5.4-02].

 Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi của nhà trường hàng đều đạt từ 95% trở lên; đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 85% trở lên.

 Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

 Tỷ lệ chuyên cần trẻ em dưới 5 tuổi đạt còn tương đối thấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường có các biện pháp chỉ đạo giáo viên tuyên truyền phụ huynh đưa trẻ đi học chuyên cần hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

 Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Bộ phận chuyên viên Mầm non Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ. Trong những năm qua với tinh thần yêu nghề mến trẻ, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm tận tụy với nghề.

 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và điều kiện nhà trường.

 Nhà trường tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ linh hoạt, các phương pháp đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục; phù hợp với trẻ em mầm non. Tổ chức tốt môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho trẻ em được vui chơi, trải nghiệm, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ em tham gia hoạt động vui chơi.

 Nhà trường đã tích cực phối hợp với trạm y tế phường Thiện An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, duy trì tỷ lệ chuyên cần đạt trên 90%. 100% tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non

 Với những kết quả mà nhà trường đã đạt được thì bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như: Một số giáo viên trẻ mới ra trường vẫn còn lúng túng trong việc lập kế hoạch theo chương trình giáo dục mầm non, cách lồng ghép tích hợp giữa các chủ đề còn ít, chưa phát huy tính tích cực chủ động của trẻ trong các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;

 Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và béo phì của nhà trường còn tương đối cao.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 3/4 tiêu chí chiếm 75 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Nhà trường không đủ đều kiện để thực hiên. phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

**2. Điểm mạnh**

 Không có

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường không có khả năng và đủ điều kiện để phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm học tới nhà trường nghiên cứu, học tập kinh nghiệm và phấn đấu để phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới khi có đầy đủ điều kiện để thực hiện.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm của nhà trường đạt mức khá và tốt thấp không đảm bảo yêu cầu.

**2. Điểm mạnh**

 không có

**3. Điểm yếu**

 Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá còn thấp (60%), trong đó không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2010-2020 nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên và tọa mọi điều kiện để giáo viên học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhăm nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá và mức tốt.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi của nhà trường diện tích không đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp chưa đảm bảo [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có sân chơi cho trẻ đảm bảo sạch sẽ, an toàn.

**3. Điểm yếu**

 Sân chơi của nhà trường thiết kế chưa đảm bảo theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2020-2021 nhà trường có kế hoạch thiết kế, quy hoạch lại sân chơi của trẻ phù hợp để đáp ứng nhu cầu giáo dục hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

**1. Mô tả hiện trạng**

 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có được 1 số trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ. Tuy nhiên các trang thiết bị hiện đại và khu phát triển vận động cho trẻ không đảm bảo yêu cầu.

**2. Điểm mạnh**

 Các công trình của nhà trường được kiên cố hóa đảm bảo theo yêu cầu.

**3. Điểm yếu**

 Trường không có phòng tư vấn tâm lý. Các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ  và khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ không đảm bảo yêu cầu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm học tiếp theo nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp đầu tư xây dựng bảo vệ, phòng tư vấn tâm lý, mua sắm bổ sung các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Thiết kế và đưa vào hoạt động khu phát triển vận động của trẻ phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Cho cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế học đường tham gia các lớp tập huấn chuyên môn tư vấn tâm lý trẻ mầm non.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường vẫn còn một số mục tiêu không hoàn thành theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Cụ thể là mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát triển đội ngũ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-05] .

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã phát huy và đạt được một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường vẫn còn một số mục tiêu không hoàn thành theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, cụ thể là mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát triển đội ngũ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 nhà trường tham mưu với các cấp có thẩm quyền đầu tư xâu dựng các hạng mục công trình còn thiếu để phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Có các biện pháp nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV,NV nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 6**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có nhiều năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận cụ thể như: Có trẻ đạt giải cao trong hội thi vẽ tranh cấp thị, cấp tỉnh. Được UBND thị xã Buôn Hồ tặng Giấy khen hoàn thành xuất săc nhiệm vụ năm học [H1-1.2-02];[H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

 Trong những năm học qua nhà trường có một số năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác tương đối cao Có trẻ đạt giải cao trong hội thi vẽ tranh cấp thị, cấp tỉnh. Được UBND thị xã Buôn Hồ tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

**3. Điểm yếu**

 Trong những năm học qua nhà trường chỉ được khen thưởng của UBND thị xã Buôn Hồ chưa được các cấp cap hơn khen thưởng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2020-2021 và những năm học tới nhà trường duy trì tốt những kết quả đã đạt được đồng thời xây dựng kế hoạch, đề ra các mục tiêu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để phấn đấu đạt được kết quả cao hơn và đề nghị với UBND tỉnh tặng Băng khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Kết luận:**

 Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc được kiến cố hóa. Có được một số trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường và các hoạt động phong trào ngày càng được nâng cao.

 Bên cạnh đó nhà trường còn có nhiều điểm yếu như: Trong 2 năm học 2018-2019 và 2019-2020 thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư 26/2018 của Bộ GD&ĐT, nhà trường không có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

 Khu phát triển vận động và các góc chơi trải nghiệm, sáng tạo dành cho trẻ ngoài trời chưa đáp ứng yêu cầu.

 Nhà trường chưa thực hiện áp dụng chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào trong chương trình hiện nay.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
	+ Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16.7 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/25 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: (25/25) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: (25/25) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: (16/25) (10/19) tiêu chí chiếm 64 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
	+ Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16.7 %

***1. Điểm mạnh***

 Trường Mầm non Hoa Hướng Dương thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước. Luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo PGD&ĐT Phòng GD&ĐT thị xã Buôn Hồ, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.Tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động của ngành, của địa phương tổ chức.

 Tập thể CB-GV-NV trong trường có trình độ chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, đáp ứng được nhiệm vụ được giao. Chất lượng chăm sóc giảng dạy được nâng lên rõ rệt, nhà trường luôn thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành phát động. CB-GV- NV được đánh giá theo chuẩn quy định, các chế độ của giáo viên được đảm bảo theo quy định.

 Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đảm bảo, có cổng, hàng rào sân chơi sạch sẽ thoáng mát, có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh, có cây xanh, vườn rau cho trẻ chăm sóc, có khu vui chơi ngoài trời cho các cháu hoạt động. Có đủ phòng cho các cháu học, đảm bảo diện tích, sạch sẽ, thoáng mát. Lớp học được trang trí đẹp mắt, phù hợp với từng chủ đề. Có đủ các thiết bị phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

 Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, cá nhân, đặc biệt là ban đại diện cha mẹ phụ huynh học sinh, để cùng phối hợp chăm lo xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, cải tạo vườn trường xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện, giúp trẻ yêu trường, mến lớp, ham thích đi học. Vì vậy mà cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường có sự thay đổi hàng năm, đáp ứng được nhu cầu chung của ngành.

  Nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, đã vận động phụ huynh cho trẻ tham gia bán trú 100%. Đảm bảo chế độ ăn của trẻ hàng ngày. Vì vậy mà chất lượng chăm sóc và giáo dục có sự chuyển biến rõ nét theo từng năm học, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng hàng năm giảm đáng kể dưới 10%. Đã tạo được sự tin tưởng của phụ huynh khi gửi con tới trường.

***2. Điểm yếu:***

 - Cở sở vật chất, các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhà trường vẫn còn thiếu.

 - Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt ở mức khá và tốt còn thấp.

 - Tỷ lệ chuyên cần của trẻ một số năm còn thấp

***3. Kiến nghị:***

 - Đối với Phòng Giáo Dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ:

  + Tham mưu với UBND thị xã, Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Buôn Hồ cấp kính phí và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn thiếu và mua sắm các trang thiết bị còn thiếu cho nhà trường.

  + Tham mưu với UBND thị xã Buôn Hồ tổ chức thi và xét tuyển giáo viên mầm non để phân bổ giáo viên biên chế và có hợp đồng dài hạn cho nhà trường.

  - Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk quan tâm và cấp thêm các thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài trời và đồ dùng theo Thông tư 02 cho nhà trường.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG MẦM NON HOA HƯỚNG DƯƠNG tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Thiện An, ngày 14.tháng 12 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
|   | **HIỆU TRƯỞNG** **Nguyễn Thị Quang** |